

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 23/3/2023  
*V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
chung*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Ánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Hải Vân.
2. Ông Nguyễn Thanh Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Linh Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 440/2022/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐST-HN ngày 09 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm: 1983,

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

\* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm: 1983,

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Chị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các biên bản trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:*

*Về hôn nhân:* Chị N và anh Nguyễn Thanh T kết hôn vào năm 2016, hôn nhân do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 07/9/2016. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu. Tuy nhiên, sau đó giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, anh T thường hay cờ bạc, tụ tập với bạn bè, không chăm lo cho gia đình, có lần chị N phải một mình nuôi con do anh T bỏ công việc, đổi chỗ làm vì cờ bạc, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh T cứ hứa mà không sửa đổi khiến chị rất mệt mỏi. Chị N đã sống ly thân với anh T. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho chị khi ly hôn.

*Về con chung:* Chị N yêu cầu nhận nuôi 02 con chung là Nguyễn T T, sinh ngày 23/7/2017 và Nguyễn Trọng N, sinh ngày 02/01/2020 và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đồng cho mỗi con chung cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, chị N có thay đổi yêu cầu khởi kiện về vấn đề con chung như sau:*

Tại bản tường trình đề ngày 07/02/2023 của chị Nguyễn Thị N, chị N yêu cầu được nuôi con chung là Nguyễn T T, sinh ngày 23/7/2017 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; chị đồng ý để cho anh T được nuôi con Nguyễn Trọng T, sinh ngày 02/01/2020 và chị cũng không cấp dưỡng nuôi con.

*Theo nội dung bản tự khai, các biên bản trong quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:*

*Về hôn nhân:* Anh T thống nhất với lời trình bày của chị N về quá trình kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn là do lỗi của anh, anh cờ bạc với bạn bè nên phải thường xuyên thay đổi công việc, không làm tròn trách nhiệm làm chồng và làm cha; mấy tháng nay sống một mình anh cũng rất hối hận và anh vẫn phụ tiền để lo cho con hàng tháng. Anh xác định vẫn còn rất thương vợ con nên anh tha thiết chị N cho anh cơ hội sửa đổi để cùng lo cho con. Anh T không đồng ý ly hôn.

*Về con chung:* Nếu trường hợp Tòa án buộc ly hôn thì anh yêu cầu được nhận nuôi con chung là Nguyễn Trọng T, sinh ngày 02/01/2020. Anh đồng ý để chị N được nuôi con Nguyễn T T, sinh ngày 23/7/2017. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:*

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71; bị đơn thực hiện chưa đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N. Chị N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T. Ghi nhận chị N không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn T T, sinh ngày 23/7/2017 và Nguyễn Trọng T, sinh ngày 02/01/2020. Khi ly hôn, chị N được nuôi cháu Nguyễn T T và anh T được nuôi cháu Nguyễn Trọng T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, về nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Quan hệ tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thanh T là tranh chấp về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung; bị đơn anh Nguyễn Thanh T có địa chỉ nơi cư trú tại 321, ấp Phú Xuân, xã Phú Túc, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Thanh T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai; chị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, vì vậy căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị N.

[2] *Về hôn nhân:* Chị N và anh T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Túc, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 07/9/2016, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Chị N xác định sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, anh T hay cờ bạc, tụ tập, không chăm lo cho gia đình, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh T không sửa đổi khiến chị rất mệt mỏi. Chị N đã sống ly thân với anh T. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn với anh T. Quá trình Tòa án mở phiên hòa giải, anh T cũng thừa nhận vợ chồng xảy ra

mâu thuẫn là do lỗi của anh, anh cờ bạc với bạn bè, thường xuyên thay đổi công việc, không làm tròn trách nhiệm làm chồng, làm cha. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn vì anh xác định còn rất thương vợ con, mong muốn chị N cho anh cơ hội sửa đổi. Tuy nhiên, tại Bản tường trình đề ngày 07/02/2023 của chị N, chị trình bày trong khoảng thời gian 03 tháng sau khi hòa giải tại Tòa, anh T vẫn không thay đổi. Chị N kiên quyết ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống, nhưng anh T lại thường xuyên cờ bạc, tụ tập với bạn bè, không lo cho vợ con, mặc dù chị N đã nhiều lần khuyên can và cho anh T cơ hội sửa đổi nhưng anh vẫn không thay đổi. Hơn nữa hiện tại chị N và anh T đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị N xác định đã không còn tình cảm với anh T, đời sống hôn nhân khiến chị cảm thấy mệt mỏi, chị kiên quyết ly hôn. Xét thấy tại phiên tòa anh T vắng mặt không lý do. Điều đó cho thấy anh T không có thiện chí và biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N. Ghi nhận việc chị N không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Nguyễn Trọng T, sinh ngày 02/01/2020 và Nguyễn T T, sinh ngày 23/7/2017. Trước đây, tại đơn khởi kiện, chị N yêu cầu được nuôi 02 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng cho mỗi con. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, chị N thay đổi yêu cầu khởi kiện về vấn đề con chung, cụ thể chị yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn T T và chị đồng ý để cho anh T được nuôi cháu Nguyễn Trọng T, hai bên không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận. Quá trình giải quyết tại Tòa, anh T cũng trình bày yêu cầu được nhận nuôi con là Nguyễn Trọng T, anh đồng ý để chị N được nuôi cháu Nguyễn T T và hai bên không cấp dưỡng nuôi con. Đây là ý chí tự nguyện của chị N và anh T thể hiện sự thống nhất của anh chị về việc xác định người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, do đó căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình xét thấy cần công nhận sự thỏa thuận của chị N và anh T, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

#### ***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T. Ghi nhận chị N không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Khi ly hôn, chị N sẽ là người trực tiếp nuôi con chung sinh ngày 23/7/2017, anh Nguyễn Thanh T sẽ là người trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Trọng T sinh ngày 02/01/2020. Ghi nhận chị N và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí,

lệ phí Tòa án số 0010471 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Chị N đã nộp đủ án phí.

Chị N, anh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Phú Túc, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Ánh**